TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 24-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2. bà **Ngô Khánh Vy**

Nghề nghiệp: Phó hiệu trưởng trường Trung học Phổ thông Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông **Vũ Văn Luận** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 (theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 3 năm 2018) đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Đông M**, sinh ngày 04/11/1995 tại xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp 19/5, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Cao Thị P; Vợ, con: không; Tiền án: không; Tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác **N**), sinh ngày 01/01/1999 tại xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Bích T; Vợ, con: không; Tiền án: không; Tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- *Người bị hại*:

1. Em **Lý Phol L**, sinh ngày 09/8/2000; Nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà **Lý Thị N**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại L*: Ông **Lý M**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại L:* Bà **Huỳnh Kim H** - Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Khánh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà **Sơn Thị G**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Vũ H**, sinh ngày 07/6/1999; Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông **Nguyễn Vũ N**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Em **Lê Miền T,** sinh ngày 14/8/2000; Nơi cư trú: ấp 19/5, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan T: ông Lê Văn H, sinh năm 1955; Nơi cư trú: ấp 19/5, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

5. Ông **Nguyễn Thanh P,** sinh ngày 20/11/1999; Nơi cư trú: ấp 19/5, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6. Em **Lý Thị K Y**, sinh ngày 03/10/2002; Nơi cư trú: số 65, đường V, khóm 3, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Y: Bà Lý Thị Ngọc Y, sinh năm 1994; Nơi cư trú: số 65, đường V, khóm 3, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp S, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Em **Lâm Thị Kiều L**, sinh ngày 30/8/2002; Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 17/7/2017, trong lúc làm việc tại Công ty A, thì giữa bị hại Lý Phol L và bà Sơn Thị G có xảy ra mâu thuẫn với nhau về vị trí đứng làm việc trong công ty, thì L có dùng những lời lẽ thô tục chửi G, nên được mọi người can ngăn. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, G mới dùng điện thoại di động gọi cho bị cáo Lê Đông M (M là bạn của G) và kể cho M nghe việc G bị L chửi, đồng thời nhờ M đến

cổng Công ty A đón đánh L vài tay để cảnh cáo, thì bị cáo M đồng ý (do trước đó M cũng làm công nhân tại Công ty A, nên M cũng có quen biết với L).

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, M đến nhà của bị cáo Nguyễn Văn T chơi và có tổ chức uống rượu cùng với T. Sau đó, có ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1999, ĐKTT: ấp 3, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83C1-099.45 đến nhà bị cáo T chơi, thì T mới rủ H vào ngồi uống rượu chung. Tiếp đó, bị cáo M có kể riêng cho bị cáo T nghe sự việc bạn của M (là Sơn Thị G) đi làm ở Công ty A và bị bị hại Lý Phol L chửi, nên bà G có nhờ M đến Công ty A đón đường đánh L vài tay để cảnh cáo, thì T bảo M cứ ngồi uống rượu đi, một lúc nữa T sẽ đi cùng với M để đánh L, thì M đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo T nói dối với ông H hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 83C1-099.45 để đi chợ mua đồ, thì ông H đồng ý. Sau đó, bị cáo T đi vào nhà lấy một con dao tự chế (làm bằng kim loại màu trắng, có chiều dài 51cm) cất giấu vào trong áo để trước ngực, rồi đi ra để bị cáo M điều khiển xe mô tô mượn của ông H chở bị cáo T đi ra Công ty A.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi các bị cáo M và T chạy đến cổng Công ty A, thì bà G đi từ trong công ty đi ra gặp các bị cáo. Tại đây, bà G bảo bị cáo M chỉ đánh L vài tay để cảnh cáo thôi, thì M đồng ý; sau đó G đi vào công ty để lĩnh lương (lĩnh tiền công nhật). Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi bị hại Lý Phol L vừa điều khiển xe từ công ty chạy ra đến khu vực vòng xoay, thì bị cáo M điều khiển xe chở bị cáo T ngồi phía sau chạy đến, thì T dùng dao chém L một nhát trúng vào vai trái, làm L bị té ngã xe. Tiếp đó, bị cáo T nhảy xuống xe dùng dao chém bị hại L hai nhát trúng vào mặt trong cổ tay trái và cẳng tay phải gây thương tích, rồi T lên xe để M điều khiển bỏ chạy. Lúc này, khi thấy L bị T chém, thì bị hại Lý Thị N chạy đến dùng tay nắm kéo T lại, thì T dùng dao chém N một nhát trúng vào cổ tay trái gây thương tích, rồi M điều khiển xe chở T bỏ chạy về hướng quốc lộ 60, về nhà của T. Riêng đối với các bị hại Lý Phol L và Lý Thị N thì được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng cấp cứu và điều trị vết thương. Đến ngày 25/7/2017, các bị hại Lý Phol L và Lý Thị N đã làm đơn yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng khởi tố vụ án hình sự và xử lý đối với hành vi của Lê Đông M và Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 168/TgT-PY, ngày 01/09/2017 cả Trung tâm pháp y, thuộc Sở y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận đối với thương tích của Lý Phol L:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo hình thẳng sây sát da nông ngang bả vai trái, kích thước: 06cm x 0,1cm. Sẹo phần mềm ở 1/3 giữa mặt sau cẳng tay phải, kích thước 4,5cm x 0,3cm. Chụp Xquang cẳng tay trái: không thấy tổn thương xương. Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (*Ba phần trăm*).

- Sẹo hình chữ "J" mặt trong đầu dưới cẳng tay trái, kích thước: 11cm x 0,3cm và 0,4cm x 0,3cm. Chức năng gấp cổ tay trụ bị hạn chế. Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 15% (*Mười lăm phần trăm*).

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, hiện tại là: 18% (Mười tám phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Tổn thương do vật sắc gây nên.

- Tổn thương không nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng.

- Tổn thương gây ảnh hưởng chức năng gấp cổ tay trụ trái.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 169/TgT-PY, ngày 01/09/2017 cả Trung tâm pháp y, thuộc Sở y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận đối với thương tích của Lý Thị N:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo hình chữ "Z" phía xương trụ 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước: 11cm x 0,3cm. Liệt thần kinh trụ đoạn cẳng tay, chức năng gấp duỗi ngón II, III, IV, V bàn tay trái bị hạn chế. Chụp Xquang cẳng tay trái: không thấy tổn thương xương.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, hiện tại là: 23% (Hai mươi ba phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Tổn thương do vật sắc gây nên.

- Tổn thương gây ảnh hưởng chức năng cổ- bàn tay trái.

- Tổn thương không nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng.

Đến ngày 19/09/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam đối với các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T, về "Tội cố ý gây thương tích" quy định tại Khoản 2, Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có các tình tiết định tội: "Dùng hung khí nguy hiểm"; "Phạm tội đối với nhiều người" và "Có tính chất côn đồ" theo quy định tại các điểm a, c, i khoản 1, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng do thương tích của các bị hại Lý Phol L là 18% và Lý Thị N là 23% nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể của từng người nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không phạm tội có tổ chức. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T đã tác động gia đình đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nộp thay số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại. Bị cáo M sau khi phạm tội đã ra đầu thú.

Cho nên cần xem xét áp dụng các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS-CT, ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T về "Tội cố ý gây thương tích" quy định tại các điểm b, đ khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2, Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 và Khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự 2015; áp dụng các điểm b, đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 42, Điều 45 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo; Bị cáo Nguyễn Văn T được áp dụng thêm điểm b, khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Lê Đông M được áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106; khoản 2, Điều 136; Điều 299, Điều 333, Điều 338 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Đông M từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, người bị hại Lý Thị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gồm các chi phí điều trị vết thương, tiền ngày công lao động, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 106.523.000 đồng; người bị hại Lý Phol L yêu cầu các bị cáo bồi thường gồm chi phí điều trị vết thương, tiền ngày công lao động, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 83.332.000 đồng. Đến nay, đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn T đã đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nộp thay số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại. Riêng bị cáo Lê Đông M thì chưa bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

Tại phiên tòa hôm nay, giữa các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về những khoản chi phí hợp lý là tiền điều trị vết thương, tiền ngày công lao động, tiền tàu xe đi lại mà các bị hại đưa ra, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với các khoản yêu cầu mà các bị hại đưa ra là tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần thì giữa các bị cáo và các bị hại không thỏa thuận được với nhau, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giữ:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO, biển kiểm soát 83C1-099.45 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 014705 mang tên Nguyễn Vũ N.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 83C1-028.41 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Lý M.

Sau đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức giao trả cho chủ sở hữu, gồm: 01 xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO, biển kiểm soát 83C1-099.45 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 014705 cho ông Nguyễn Vũ N; 01 xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 83C1-028.41 và 01 giấy đăng ký xe cho ông Lý M, nên không đặt ra xem xét.

Đối với vật chứng là 01 (một) con dao tự chế, làm bằng kim loại màu trắng dài 51cm (lưỡi dao dài 38cm, rộng 0,3cm; cán dao hình tròn, đường kính 03cm, chiều dài 13cm) của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 (một) sim điện thoại di động, số thuê bao 01633404375 của bị cáo Lê Đông M và 01 (một) sim điện thoại di động, số thuê bao 01642325274 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Thị G. Xét thấy các vật chứng nêu trên không có giá trị sử dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, model 105, số IMEI 353655/06/884543/1 của bị cáo Lê Đông M, đề nghị tịch thu sung quỹ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, Luật sư bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của người bị hại Lý Phol L có ý kiến cho rằng: Về hình phạt đối với các bị cáo, thì Luật sư thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; về trách nhiệm dân sự, Luật sư thống nhất theo yêu cầu của người bị hại Lý Phol L tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ngoài ra, Luật sư và đại viện Viện kiểm sát không có ý kiến đối đáp gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh P và các người làm chứng ông Nguyễn Văn T và em Lâm Thị Kiều L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ các Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng Hình sự, quyết định xét xử vắng mặt người người nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Tại trước cổng Công ty A, tọa lạc tại khu Công nghiệp N, thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T đã vô cớ thực hiện hành vi dùng dao là loại hung khí nguy hiểm chém các bị hại Lý Phol L và Lý Thị N gây thương tích với tỷ lệ tổn hại sức khỏe của bị hại Lý Phol L là 18% và bị hại Lý Thị N là 23%.

[3] Từ những tình tiết nêu trên của vụ án, có đủ cơ sở xác định: Do có mâu thuẫn về vị trí đứng làm việc trong công ty A, nên bà Sơn Thị G đã điện thoại cho bị cáo Lê Đông M đến để đánh vài tay cảnh cáo bị hại Lý Phol L, nhưng bị cáo M đã rủ thêm bị cáo T, chuẩn bị hung khí (dao tự chế) và xe mô tô đến trước công ty của bị hại L đang làm đợi sẵn, khi bị hại L điều khiển xe ra khỏi công ty thì các bị cáo đã dùng dao chém các bị hại Lý Phol L và Lý Thị N gây thương tích, cho nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích", là dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho các bị hại theo quy định theo khoản 2, Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được việc dùng dao là loại hung khí nguy hiểm, chém các bị hại là nguy hiểm cho xã hội, với tỷ lệ tổn hại sức khỏe của bị hại L là 18% và bị hại N là 23%. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, là khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo còn thể hiện tính xem thường pháp luật, xem thường tính mạng của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật, nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị G: Trong quá trình điều tra, đã xác định do trước đó bà G có mâu thuẫn với bị hại Lý Phol L, nên bà G có điện thoại nhờ bị cáo Lê Đông M đến cổng Công ty A đánh L vài tay để cảnh cáo, giằn mặt, thì bị cáo M đồng ý. Nhưng sau đó, bị cáo M rủ thêm bị cáo Nguyễn Văn T cùng tham gia và chuẩn bị mang theo dao tự chế để chém các bị hại L và N, thì bà G không hay biết và bà G cũng không mong muốn hậu quả xảy ra. Ngoài ra, trong ngày 17/7/2017, trước khi gặp M, thì bà G có nói và nhờ Lê Miền T (em ruột của bị cáo M) và ông Nguyễn Thanh P (cùng làm công nhân chung với bà G) đi ra cổng Công ty A nói với bị cáo M là nếu có đánh bị hại Lý Phol L, thì đánh vài tay để cảnh cáo thôi, không được đánh nhiều. Sau đó, khi phát hiện thấy bị cáo M và bị cáo T chém các bị hại (khoảng cách từ vị trí bà G đứng đến hiện trường xảy ra vụ án khoảng 96 mét), thì bà G có chạy đến được một đoạn khoảng 28 mét để can

ngăn nhưng không kịp, lúc này có rất nhiều công nhân tan ca ra về, sợ bị phát hiện hành vi xúi giục của mình, nên bà G lên xe ô tô đưa rước công nhân về nhà. Cho nên chưa có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Sơn Thị G với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Sơn Thị G số tiền 750.000 đồng, về hành vi "Xúi giục người khác đánh nhau" theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính Phủ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Vũ H: Quá trình điều tra đã xác định, vào ngày 17/7/2017, ông H có cho bị cáo Nguyễn Văn T mượn xe mô tô biển kiểm soat 83C1-099.45 để sử dụng làm phương tiện đi chợ mua đồ, còn sau đó các bị cáo T và M sử dụng xe này làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, thì ông H không hay biết, nên không đặt ra để xem xét.

Để đánh giá mức độ hành vi của từng bị cáo, để xem xét khi lượng hình cụ thể:

Đối với bị cáo Lê Đông M, bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, mặc dù giữa bị cáo và các bị hại không có mâu thuẫn hay xích mích gì với nhau, nhưng khi nghe bà Sơn Thị G nhờ bị cáo đánh bị hại Lý Phol L để cảnh cáo thì bị cáo đồng ý ngay. Sau đó, bị cáo rủ rê bị cáo Nguyễn Văn T tham gia và chuẩn bị hung khí để thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo còn giữ vai trò giúp sức tích cực, trực tiếp điều khiển xe mô tô chở bị cáo T để chém các bị hại gây thương tích, cho nên hành vi của bị cáo cần phải xử phạt mức án cao hơn bị cáo Nguyễn Văn T.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T giữ vai trò là người thực hành và giúp sức tích cực trong vụ án. Mặc dù giữa bị cáo và các bị hại không có mâu thuẫn hay xích mích gì với nhau, nhưng khi nghe bị cáo Lê Đông M rủ đi cùng để giúp bị cáo M đánh bị hại L thì bị cáo đồng ý ngay. Sau đó, bị cáo chuẩn bị hung khí (con dao tự chế), mượn xe mô tô của ông Nguyễn Vũ H để sử dụng làm phương tiện phạm tội. Đồng thời bị cáo là người trực tiếp sử dụng dao chém các bị hại gây thương tích, cho nên hành vi của bị cáo cũng phải xử lý mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi nhưng mức án thấp hơn bị cáo M.

Về tình tiết định khung hình phạt: Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T có tình tiết định tội: "Dùng hung khí nguy hiểm", "Có tính chất côn đồ" và "Phạm tội đối với nhiều người", theo quy định tại các điểm a, c, i, khoản 1, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng do thương tích của các bị hại Lý Phol L 18% và bị hại Lý Thị N 23%, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 và Khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự 2015, thì các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T được áp dụng các điểm b, đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Lê Đông M khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo thuộc diện gia đình chính sách (có ông nội là liệt sĩ và cha ruột là thương binh). Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú; có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức và am hiểu pháp luật còn hạn chế. Cho nên có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình đến chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại với số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo thuộc diện gia đình chính sách (có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì); có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức và am hiểu pháp luật còn hạn chế. Cho nên có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại các điểm b, p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) con dao tự chế, làm bằng kim loại màu trắng dài 51cm (lưỡi dao dài 38cm, rộng 0,3cm; cán dao hình tròn, đường kính 03cm, chiều dài 13cm) của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 (một) sim điện thoại di động, số thuê bao 01633404375 của bị cáo Lê Đông M và 01 (một) sim điện thoại di động, số thuê bao 01642325274 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Thị G. Xét thấy các vật chứng nêu trên không có giá trị sử dụng, nên tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, model 105, số IMEI 353655/06/884543/1 của bị cáo Lê Đông M, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động của bà Sơn Thị G sử dụng làm phương tiện để điện thoại nhờ bị cáo Lê Đông M đánh bị hại Lý Phol L, sau khi vụ án xảy ra, chiếc điện thoại trên đã bị hư, nên bà G đã ném bỏ. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng không thu giữ được, nên không đặt ra để xem xét.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại Lý Thị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gồm chi phí điều trị vết thương, tiền ngày công lao động, tiền công người nuôi bệnh và tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 106.523.000 đồng; người bị hại Lý Phol L yêu cầu các bị cáo bồi thường gồm chi phí điều trị vết thương, tiền ngày công lao động, tiền công người nuôi bệnh và tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 83.332.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, giữa các bị cáo và bị hại Lý Thị N đã thỏa thuận được với nhau về bồi thường thiệt hại những khoản chi phí như sau:

- Tiền toa vé điều trị: 370.000 đồng

- Tiền chụp X quang: 103.000 đồng

- Tiền xe đi và về: 1.100.000 đồng

- Tiền ăn uống của người bênh và người nuôi bệnh: 150.000 đồng/ngày x 11 ngày = 1.650.000 đồng.

- Tiền thu nhập thực tế của hai người nuôi bệnh: 300.000 đồng/ngày x 11 ngày (tại bệnh viện) = 3.300.000 đồng.

Tổng cộng: 6.523.000 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại Lý Thị N không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận của các bị cáo và bị hại các khoản tiền nêu trên.

Đối với tiền công lao động do mất thu nhập mà bị hại Lý Thị N yêu cầu các bị cáo bồi thường 10 tháng lương, thì Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở để chấp nhận nên buộc các bị cáo phải bồi thương cho bị hại 10 tháng lương, cụ thể là 10 tháng x 5.000.000 đồng/tháng = 50.000.000 đồng.

Riêng đối với số tiền tổn thất về tinh thần, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng là quá cao so với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật cho phù hợp, cụ thể buộc các bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại là 30 tháng tối thiểu. Như vậy, các bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lý Thị N số tiền (1.300.000 đồng x 30 tháng lương cơ sở = 39.000.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lý Thị N là 95.523.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lý Thị N số tiền 47.761.500 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, giữa các bị cáo và bị hại Lý Phol L đã thỏa thuận được với nhau về bồi thường thiệt hại những khoản chi phí như sau:

- Tiền toa vé điều trị: 179.000 đồng

- Tiền chụp X quang: 103.000 đồng

- Tiền xe đi và về: 1.100.000 đồng

- Tiền ăn uống của người bệnh và người nuôi bệnh: 150.000 đồng/ngày x 11 ngày = 1.650.000 đồng.

- Tiền thu nhập thực tế của người nuôi bệnh: 300.000 đồng/ngày x 11 ngày (tại bệnh viện) = 3.300.000 đồng.

Tổng cộng: 6.332.000 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại Lý Phol L không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận của các bị cáo và bị hại các khoản tiền nêu trên.

Đối với tiền công lao động do mất thu nhập mà bị hại Lý Phol L yêu cầu các bị cáo bồi thường 10 tháng lương, thì Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở để chấp nhận nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại 10 tháng lương, cụ thể là 10 tháng x 3.500.000 đồng/tháng = 35.000.000 đồng.

Riêng đối với số tiền tổn thất về tinh thần, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng là quá cao so với quy định pháp luật nên cần điều chỉ cho phù hợp, cụ thể buộc các bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại là 30 tháng tối thiểu. Như vậy, các bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lý Thị N số tiền 1.300.000 đồng x 30 tháng lương cơ sở = 39.000.000 đồng.

Đối với tiền công lao động do mất thu nhập mà bị hại L yêu cầu các bị cáo bồi thường 10 tháng lương thì Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở để chấp nhận, cụ thể là 10 tháng x 3.500.000 đồng/tháng = 35.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền yêu cầu về tổn thất về tinh thần, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 42.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy là chưa phù hợp so với quy định pháp luật nên cần điều chỉ cho phù hợp, cụ thể buộc các bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại là 30 tháng tối thiểu. Như vậy, các bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lý Phol L số tiền 1.300.000 đồng x 30 tháng lương cơ sở = 39.000.000 đồng.

Như vậy, các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại cho bị hại Lý Phol L tổng cộng số tiền 80.332.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại Lý Thị N số tiền 40.166.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T, phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2, Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 và Khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự 2015; Các điểm b, đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự 2015; điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33, Điều 42; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn T được áp dụng thêm điểm b, khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Lê Đông M được áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106; khoản 2, Điều 136; Điều 299, Điều 333, Điều 338 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đông M** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2017.

2. *Về trách nhiệm dân sự*:

Buộc bị cáo Lê Đông M phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lý Thị N số tiền 47.761.500 đồng và bồi thường thiệt hại cho bị hại Lý Phol L số tiền 40.166.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lý Thị N số tiền 47.761.500 đồng và bồi thường thiệt hại cho bị hại Lý Phol L số tiền 40.166.000 đồng.

Tiếp tục quản lý số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn T khắc phục hậu quả cho các bị hại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để đảm bảo thi hành án, theo biên lai thu số 006984 ngày 05/02/2018.

3. *Về xử lý vật chứng của vụ án***:**

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao (loại dao tự chế) bằng kim loại màu trắng, dài 51cm, lưỡi dao dài 38cm, rộng 03cm, cán dao hình tròn dài 13cm, đường kính cán dao 03cm; 01 sim điện thoại di động, có số thuê bao 01633404375; 01 sim điện thoại di động, có số thuê bao 01642325274.

Tuyên tịch thu sung quỹ: Đối với 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, Model 105, IMEI 353655/06/884543/1.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2018, giữa Công an huyện Châu Thành và Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

4. *Về án Phí*:

Buộc các bị cáo Lê Đông M và Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp là 4.396.000 đồng (đã tính tròn số).

5. *Về quyền kháng cáo bản án*:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, BH; NLQ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THACT;
- Cơ quan THA hình sự Công an CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Văn Nhẫn